

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
SỞ Y TẾ

Số: 2121 /SYT-NV

V/v kê khai giá dịch vụ
y tế tại bệnh viện Lê Lợi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 17 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Bệnh viện Lê Lợi.

Sở Y tế nhận được văn bản số 1836/BVLL-TCKT ngày 13/7/2020 của bệnh viện Lê Lợi về việc kê khai giá dịch vụ y tế tại bệnh viện Lê Lợi.

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC; Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 26/3/2018 của Bộ Tài Chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho bệnh viện Lê Lợi trực thuộc, Sở Y tế giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 1640/QĐ-UBND 28/06/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại Bệnh viện Lê Lợi vào mục đích cho thuê và kinh doanh

Căn cứ Công văn số 1608/BYT- KH-TC ngày 27/3/2019 của Bộ Y tế về thực hiện thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT khi người bệnh sử dụng dịch vụ theo yêu cầu.

Sau khi xem xét phụ lục văn bản số 1836/ BVLL-TCKT ngày 13/7/2020 của bệnh viện Lê Lợi về việc kê khai giá dịch vụ y tế tại bệnh viện Lê Lợi.

Sở Y tế có ý kiến như sau:

1. Duyệt mức giá theo danh mục tại phụ lục (căn cứ theo mức giá kê khai tại phụ lục văn bản số 1836/ BVLL-TCKT ngày 13/7/2020 của bệnh viện Lê Lợi về việc kê khai giá dịch vụ y tế tại bệnh viện Lê Lợi).

2. Trường hợp đơn vị có chính sách giảm giá, khuyến mại, chiết khấu đối với khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng thì ghi rõ trong bản niêm yết giá.

3. Niêm yết ảnh, tên chức danh, tóm tắt thành tích y khoa; thời gian làm việc cụ thể của các cán bộ y tế tham gia phẫu thuật và điều trị theo yêu cầu, bằng các hình thức thích hợp, rõ ràng, không gây nhầm lẫn cho người bệnh thuận tiện cho việc quan sát tại nơi tiếp nhận bệnh, khu vực điều trị, thực hiện kỹ thuật, nơi thanh toán viện phí.

4. Niêm yết công khai giá 33 (ba mươi ba) dịch vụ do bệnh viện Lê Lợi cung ứng với đơn vị tiền tệ bằng Việt Nam đồng và ghi chú rõ phần chi phí phát sinh (nếu có).

5. Việc thu giá dịch vụ không được cao hơn giá niêm yết (dưới mọi hình thức).

6. Sau 06 (sáu) tháng thực hiện, bệnh viện Lê Lợi cần xem xét tính phù hợp, tham khảo ý kiến người thụ hưởng dịch vụ để tiến hành điều chỉnh giá cho phù hợp.

7. Từ ngày 18/7/2020 giá 33 (ba mươi ba) dịch vụ y tế áp dụng tại bệnh viện Lê Lợi đã duyệt sẽ được đăng tải công khai trên Website Sở Y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đề nghị bệnh viện Lê Lợi tổ chức thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc liên hệ với Sở Y tế để được hướng dẫn, giải quyết./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng Website SYT;
- Thanh tra SYT;
- Lưu VT, NV.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh An



Phụ lục

BẢNG DUYỆT MỨC THU GIÁ DỊCH VỤ Y TẾ

(Kèm theo văn bản số 2121./SYT-NV ngày 17/7/2020 của Sở Y tế tỉnh BR-VT)

Stt	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu
I	Xét nghiệm thực hiện tại Lab TTTN HH Y tế Hòa Hảo, thành phố Hồ Chí Minh		
1	Xét nghiệm tế bào âm đạo(Novaprep pap)	Lần	550.000
2	Xét nghiệm HPV-DNA(sang lọc ung thư cổ tử cung)	Lần	400.000
3	Xét nghiệm HBV-DNA tagman(sàng lọc viêm gan B)	Lần	450.000
4	Xét nghiệm HCV-DNA(sang lọc viêm gan C)	Lần	600.000
5	Xét nghiệm anti-HCV-DNA	Lần	156.000
6	Xét nghiệm AFP(chỉ dấu ung thư gan)	Lần	150.000
7	Xét nghiệm CA 12-5(chỉ dấu ung thư buồng trứng)	Lần	190.000
8	Xét nghiệm CA 19-9(chỉ dấu ung thư tụy)	Lần	190.000
9	Xét nghiệm CEA(chỉ dấu ung thư đại trực tràng)	Lần	190.000
10	Xét nghiệm CYFRA 21.1(chỉ dấu ung thư phổi)	Lần	190.000
11	Xét nghiệm CA 15-3(chỉ dấu ung thư vú)	Lần	190.000
12	Xét nghiệm PSA tự do(chỉ dấu ung thư tuyến tiền liệt)	Lần	190.000
13	Xét nghiệm PSA toàn phần(chỉ dấu ung thư tuyến tiền liệt)	Lần	190.000
14	Xét nghiệm CA 72.4(cancer antigen 72-4)	Lần	190.000
15	Xét nghiệm đường huyết(glucose)	Lần	26.000
16	Xét nghiệm chức năng thận(creatinin+ure/bun)	Lần	52.000
17	Xét nghiệm HbA1C	Lần	143.000
18	Xét nghiệm chức năng gan(GOT/ASAT+GPT/ALAT+GGT)	Lần	84.000
19	Xét nghiệm chức năng tuyến giáp(FT3+FT4+TSH)	Lần	312.000
20	Xét nghiệm Acid Uric	Lần	32.500
21	Xét nghiệm bộ mỡ máu (cholesterol,HDLcholes, LDHcholes, Triglycerit)	Lần	130.000
22	Xét nghiệm HbSAG	Lần	104.000
23	Xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu	Lần	65.000
24	Xét nghiệm HbSAB(kháng thể virus viêm gan B)	Lần	117.000
25	Xét nghiệm HBC	Lần	156.000
26	Xét nghiệm nhóm máu ABO(GS+RH)	Lần	91.000
27	Xét nghiệm công thức máu	Lần	104.000
II	Chọn bác sĩ phẫu thuật, điều trị theo yêu cầu	Phụ thu	
1	Chọn bác sĩ phẫu thuật loại đặc biệt	Lần	2.800.000
2	Chọn bác sĩ Phẫu thuật loại I	Lần	2.500.000
3	Chọn bác sĩ Phẫu thuật loại II	Lần	2.000.000
4	Chọn bác sĩ Phẫu thuật loại III	Lần	1.500.000
5	Chọn bác sĩ điều trị ngoại trú/bệnh nhân	Lần	30.000
6	Chọn bác sĩ điều trị nội trú/ngày/bệnh nhân	Ngày	50.000
	Tổng cộng 33 dịch vụ kỹ thuật		